

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG
&&&**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-ST

Ngày: 22/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Khanh.

2/ Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Lê Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2020/TLST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 03 năm 2021 và Thông báo dời ngày xét xử số 224/TB-TA ngày 8/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H (tên thường dùng: Huỳnh Văn Đ), sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2020, nguyên đơn ông Võ Văn D trình bày: Vào ngày 19/12/2014, ông Huỳnh Văn H có hỏi vay của ông số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, hẹn hai tháng sau sẽ trả vốn và lãi cho ông, khi vay ông H có tự tay làm giấy nợ cho ông. Sau khi vay xong ông H không trả vốn lãi nên ông yêu cầu Tổ hòa giải ấp B, xã T hòa giải thì ông H thừa nhận nợ và xin trả dài hạn nhưng ông không đồng ý.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H trả cho ông số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng và tính lãi theo pháp luật quy định kể từ ngày 19/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông thống nhất về số tiền và thời gian

ông vay tiền của ông D như ông D khai, chữ ký “2 *duong*” trong biên nhận ngày 19/12/2014 là do ông ký. Tuy nhiên, lãi suất là 15%/tháng chứ không phải là 5% như ông D khai và ông có đóng lãi cho ông D nhưng không nhớ ngày tháng và số tiền đóng là bao nhiêu, không có ai biết việc này. Nay ông thừa nhận còn nợ tiền vay của ông D 70.000.000 đồng nhưng ông yêu cầu khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng do vợ ông D tên Võ Thị X chơi hụi còn thiếu ông, ông xin trả trong vòng 02 năm, ông không đồng ý trả lãi do hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Ông Võ Văn D và ông Huỳnh Văn H có thỏa thuận vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp, ông D và ông H cùng cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, ngày 19/12/2014 ông H có vay tiền của ông D 70.000.000 đồng, hợp đồng có làm giấy tay, nhưng không ghi lãi và thời gian trả. Theo ông D thì 2 bên thỏa thuận lãi 5%/tháng, 02 tháng sau trả, vay xong ông H không đóng lãi, không trả vốn. Ngày 02/7/2020 Tổ hòa giải ấp B, xã T tiến hành hòa giải, ông H thừa nhận số nợ trên đối với ông nhưng xin trả dài hạn, ông không đồng ý. Ông H thừa nhận nợ vốn ông D 70.000.000 đồng nhưng cho rằng lãi suất là 15%/tháng, ông có đóng lãi nhưng không nhớ bao nhiêu và không ai biết. Việc các bên thừa nhận có vay nợ và thiếu tiền vốn nêu trên là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình vay nợ, ông H là người có lỗi, vì ông không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay, đã nhận tiền vay nhưng không trả vốn lãi. Vì vậy, ông H phải có trách nhiệm trả cho ông D tiền vốn vay và lãi theo quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Ông H cho rằng vợ ông D thiếu ông tiền hụi 20.000.000 đồng và yêu cầu khấu trừ số tiền này. Ông D không đồng ý vì ông không biết vợ ông có chơi hụi và có thiếu tiền ông H hay không và việc này không liên quan đến ông. Thấy rằng:

Ông H không có làm đơn yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì ông H làm đơn khởi kiện vợ ông D và được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Ông H không đồng ý trả lãi là không phù hợp theo quy định nêu trên nên việc ông D yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, ông D yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2019 đến nay là có lợi cho bị đơn, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Cụ thể tiền lãi như sau: $Vốn\ 70.000.000\ \text{đồng} \times 0,83\% \times 27\ \text{tháng} = 16.113.066\ \text{đồng}$. Tổng cộng vốn lãi là $70.000.000\ \text{đồng} + 16.113.066\ \text{đồng} = 86.113.066\ \text{đồng}$.

[7] Ông H xin trả dài hạn, ông D không đồng ý. Vì vậy, yêu cầu của ông H không có căn cứ chấp nhận. Vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí: Ông H phải chịu án phí là 4.305.653 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Võ Văn D.

2/. Buộc ông Huỳnh Văn H (Huỳnh Văn Đ) phải có nghĩa vụ trả cho Võ Văn D số tiền vốn 70.000.000 đồng và lãi 16.113.066 đồng. Tổng cộng 86.113.066 (tám mươi sáu triệu một trăm mười ba ngàn sáu mươi sáu đồng).

3/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Huỳnh Văn H phải chịu 4.305.653 đồng (bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng).

Ông Võ Văn D không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008725, ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Viết Tâm